

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 07/8/2024  
V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Dung

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tiến Tịnh, bà Hoàng Thị Thanh

*Thư ký phiên tòa:* Ông Lý Khởi Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa:* bà Lại Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh **Trương Ngọc M**, sinh năm 1992

*Địa chỉ:* **Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông** (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kim C**, sinh năm 2001

*Địa chỉ:* **Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông** (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2024 và lời trình bày của nguyên đơn anh **Trương Ngọc M** trong quá trình giải quyết vụ án thì: Anh và chị **Nguyễn Thị Kim C** kết hôn năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian chung sống không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không có. Về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc anh làm đơn ly hôn với chị **Nguyễn Thị Kim C** sau khi kết hôn được 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị **C** nghe xúi giục bên ngoài về chửi bới chồng, gây ảnh hưởng đến cuộc sống, cả hai không có sự hòa hợp, tính cách đối lập, thường xuyên xảy ra cãi vã, cả hai đã sống ly thân hơn 3 tháng, anh nhận thấy quan hệ hôn nhân không thể tiếp tục nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; về con chung: không có; tài sản chung, nợ chung: không có.

Theo lời trình bày của bị đơn chị **Nguyễn Thị Kim C** trong quá trình giải quyết vụ án thì: Chị **C** thống nhất với lời khai trình bày của anh **Trương Ngọc M** về quan hệ hôn nhân và con chung. Về mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ lúc chị bị hư thai, bị

gia đình chồng hắt hủi, xúc phạm, chửi bới, chồng không quan tâm chăm sóc mà coi thường. Cả hai đã sống ly thân hơn 3 tháng. Về yêu cầu khởi kiện của anh M thì chị đồng ý ly hôn, tuy nhiên vì là người có đạo nên chị không đồng ý ký biên bản hòa giải thuận tình ly hôn mà đề nghị Tòa án xét xử vụ án. Về tài sản chung: Chị yêu cầu phân chia tài sản chung là số vàng cưới và tiền mặt được cho khi cưới quy đổi thành 128.000.000 đồng, chia đôi mỗi người được hưởng 1/2 giá trị tài sản. Đây là ý kiến của chị để Tòa án xem xét giải quyết chứ chị không làm đơn khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản chung. Về nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà phát biểu quan điểm về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Anh Trương Ngọc M được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim C.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Bị đơn không có đơn yêu cầu theo quy định pháp luật nên nên không xem xét giải quyết, nợ chung: Không có;

Về án phí: Anh Trương Ngọc M phải nộp 300.000 đồng án phí DSST về việc ly hôn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

### 1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Anh Trương Ngọc M yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim C đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

### 2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Ngọc M và chị Nguyễn Thị Kim C kết hôn năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, hôn nhân tự nguyện, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, cả hai phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cả hai sống thiếu niềm tin và trách nhiệm, không có ý thức xây dựng hạnh phúc gia đình dẫn đến mâu thuẫn ngày

càng trầm trọng dẫn đến cả hai đã sống ly thân hơn 3 tháng. Chị Nguyễn Thị Kim C cũng thừa nhận mâu thuẫn là có thật và đồng ý ly hôn, tuy nhiên chị là người có đạo nên không đồng ý biên bản hòa giải và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa các bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm và mục đích hôn nhân không đạt, cả hai đã xác định tình cảm không còn nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Ngọc M xử cho anh M được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim C là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Các đương sự không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ý kiến yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung là vàng và tiền được cho khi cưới, tuy nhiên, bị đơn không đồng ý làm đơn khởi kiện và cung cấp các tài liệu, chứng cứ kèm theo để làm thủ tục thụ lý yêu cầu phân chia tài sản khi ly hôn nên Tòa án không xem xét giải quyết; nợ chung: không có.

[2.4] Về án phí DSST: Anh Trương Ngọc M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về việc ly hôn.

[2.5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ nên HĐXX xét thấy cần được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên.*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Trương Ngọc M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Ngọc M được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim C.

2. Về con chung: Các đương sự không có con chung.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết; nợ chung: Không có.

4. Về án phí DSST: Anh Trương Ngọc M phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc “Ly hôn” được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005921 ngày 24/6/2024 tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đắk Mil;
- UBND xã Đắk Sắk

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung

- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.